TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày 29/01/2024
"Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiến và bà Hà Thị Thuý.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thu Hồng - Thư ký TAND TP. Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân (viết tắt TAND) thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2023/TLST-DS ngày 24/11/2023 về "tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXX-ST ngày 15/12/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 07/2024/QĐ-ST ngày 15/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kiên C, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hà Văn K, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số I N, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Chu Văn Q, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Lan A: Ông Nguyễn Kiên C- Nguyên đơn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc với Toà án, nguyên đơn ông Nguyễn Kiên C *và người đại diện trình bày:* Ông C và vợ là bà Nguyễn Thị Lan A có quan hệ là người bán cám cho ông Chu Văn Q để chăn nuôi cá. Việc mua bán, hai bên không có hợp đồng bằng văn bản nhưng ông C có lập sổ ghi từng lần giao cám, số tiền thanh toán và ông Q ký nhận nợ từng lần. Các bên có thoả thuận miệng thời hạn thanh toán là khi lứa cá lên luồng xuất bán thì trả tiền. Ông C đã giao cám cho ông

Q nhiều lần, các lần trước đó đã thanh toán xong, nhưng từ tháng 5/2016 đến tháng 2/2017 giao cám cho lứa cá cuối cùng này ông Q chưa thanh toán và có ký nhận nợ trong sổ của ông C, cụ thể:

Ngày 13/5/2016: Cám F8002, 20 bao x 375.000đ/bao= 7.500.000đ;

Ngày 16/6/2016: Cám F8002, 30 bao x 375.000đ/bao= 11.250.000đ; cám GF 8003, 120 bao x 325.000đ/bao= 39.000.000đ;

Ngày 13/7/2016: Cám F8002, 30 bao x 375.000đ/bao = 11.250.000đ; cám GF 8003, 210 bao x 325.000đ/bao= 68.250.000đ;

Ngày 24/8/2016: Cám F8002, 10 bao x 383.000đ/bao = 3.800.000đ; cám GF8003, 185 bao x 333.000đ/bao = 61.000.000đ;

Ngày 08/10/2016: Cám F8003, 250 bao x 328.000đ/bao= 82.000.000đ;

Ngày 10/11/2016: Cám F8003, 250 bao x 328.000đ/bao = 82.000.000đ;

Ngày 23/11/2016: Cám F8003, 250 bao x 328.000đ/bao = 82.000.000đ;

Ngày 10/12/2016: Cám F8003, 250 bao x 328.000đ/bao = 82.000.000đ;

Ngày 12/2/2017: Cám F8003, 200 bao x 328.000đ/bao = 65.600.000đ;

Tổng số tiền các lần: 595.700.000đ, cộng với nợ cũ là 54.500.000đ, tổng là 650.200.000đ. Ông Q đã trả cho ông được số tiền 110.000.000đ (ngày 01/7/2016, trả 40 triệu đồng; ngày 08/10/2016, trả 70 triệu đồng), hiện còn nợ 540.200.000đ.

Theo như thoả thuận đến đầu năm 2018, ông Q phải thanh toán tiền cám nhưng ông Q không thực hiện. Ông C thường xuyên gặp trực tiếp và gọi điện yêu cầu trả tiền nhưng ông Q không thực hiện và xin khất nợ. Nay, ông Q đề nghị trả nợ dần, ông C không đồng ý vì thời gian nợ đã quá lâu. Ông C khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Q trả cho vợ chồng ông C số tiền cám còn nợ là 540.200.000đ và tiền lãi từ ngày 01/01/2018 cho đến nay, với lãi suất 10%/năm.

2. Bị đơn ông Chu Văn Q *trình bày:* Có sự việc mua bán cám giữa hai bên như nguyên đơn trình bày. Từng lần nhận cám, ông ký nhận sổ theo dõi của ông C, có thoả thuận miệng thời hạn thanh toán trả tiền cám là khi lứa cá đó lên lồng xuất bán. Quá trình mua bán cám, sau khi hai bên thống nhất loại cám, số cân và giá cả thanh toán thì ông C cho xe chở cám đến giao cho ông, ông ký sổ nhận hàng, tiền nợ của lần giao cám này cộng với nợ cũ của lần giao cám trước.

Các lần mua bán trước ông đã thanh toán nhưng lần nuôi đợt cá năng và cá riêu hồng từ tháng 5/2016, ông chưa thanh toán vì cá năng chết, cá riêng hồng ông đã xuất bán và trả cho ông C 70 triệu đồng. Nếu cá năng không chết thì nuôi 1 năm rưỡi là lên lồng xuất bán tức vào đầu năm 2018.

Đầu năm 2018, ông C có đòi ông trả tiền nhưng do cá năng chết nên ông không có tiền trả, xin khất nợ. Sau đó ông C nhiều lần đòi ông trả tiền. Vào ngày 21/10/2023, ông C có đến gặp ông ở khu vực nuôi cá KDC Khánh Hội, N và yêu cầu ông thanh toán số tiền 540.200.000đ và tiền lãi theo giấy đề nghị thanh toán

nhưng ông không đồng ý mà xin trả nợ dần. Ông xác nhận chữ ký trong sổ theo dõi nợ của ông C từ tháng 5/2016 đến tháng 2/2017 đúng là chữ ký của ông. Tổng số tiền thanh toán là 650.200.000đ, ông đã trả được 110 triệu đồng, hiện còn nợ 540.200.000đ. Nay, ông đồng ý trả cho ông C số tiền nợ 540.200.000đ nhưng xin trả dần, mỗi năm Tết nguyên đán trả 100 triệu đồng. Ông không đồng ý trả tiền lãi vì khi mua bán cám không thoả thuận trả lãi. Việc mua bán cám và thanh toán do một mình ông thực hiện, vợ ông là bà Phạm Thị T không liên quan.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện nhất trí với yêu cầu, quan điểm khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến, quan điểm đã trình bày. Yêu cầu bị đơn trả tiền nợ cám 540.200.000đ và tiền lãi kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử 21/01/2024 là 328.412.000 đồng, tổng nợ là 868.612.000đ.

- Bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận ông C đã giao hàng đúng số lượng, chủng loại, thời gian và địa điểm. Ông không có ý kiến gì về chất lượng cám. Thời hạn thanh toán tiền cám cho ông C từ ngày 01/01/2018 nhưng ông chưa có tiền trả. Ông đồng ý trả số tiền 540.200.000đ nhưng xin trả nợ dần và không đồng ý trả lãi vì các bên không thoả thuận trả lãi khi mua bán cám.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Q phải trả cho vợ chồng ông C và bà Lan A nợ gốc 540.200.000đ và lãi 328.412.000đ, tổng là 868.612.000đ. Miễn án phí cho ông Q vì là người cao tuổi. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi trong giao dịch dân sự mua bán thức ăn chăn nuôi. Bị đơn đang cư trú ở khu dân cư K, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS).

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ mua thức ăn chăn nuôi cá. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất bị đơn còn nợ số tiền mua cám là 540.200.000đ và đã quá thời hạn trả nợ kể từ ngày 01/01/2018. Đây là tình tiết, sự kiện các đương sự đã thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Xét thấy, giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi cá giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Các đương sự đều xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán đã giao hàng đúng thời hạn, địa điểm, đảm bảo về số lượng và chất lượng nhưng bên mua chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Theo thoả thuận, đầu năm 2018 tức ngày 01/01/2018, ông Q phải thanh toán số tiền còn nợ 540.200.000đ cho vợ chồng ông C. Đến nay, ông Q vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự. Ông Q xin trả nợ dần nhưng ông C không đồng ý. Do đó, cần buộc ông Q phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ cho vợ chồng ông C là 540.200.000đ.

[2.3]. Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Ông C yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/01/2024) trên số tiền mà ông Q còn nợ, với lãi suất là 10%/năm, cụ thể: 540.200.000đ x 2.219 ngày x 10%/năm = 328.412.000 đồng. Xét, yêu cầu này của nguyên đơn thì thấy ông Q là bên mua không thanh toán tiền theo thời hạn thoả thuận, vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả cho bên bán. Căn cứ khoản 3 Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự, cần buộc ông Q trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu.

[2.4]. Từ những phân tích tại đoạn [2.1], [2.2] và [2.3], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Q phải có trách nhiệm trả cho ông C và bà Lan A số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 540.200.000đ, tiền lãi 328.412.000 đồng, tổng là 868.612.000đ.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự, được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sựLuật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kiên C**.**

Buộc ông Chu Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Kiên C và bà Nguyễn Thị Lan A số tiền gốc 540.200.000đ, tiền lãi 328.412.000 đồng, **tổng số tiền là 868.612.000đ** *(*T1 *trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm mười hai nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí:

Ông Chu văn Q1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Kiên C số tiền tạm ứng án phí là 18.965.000đ *(Mười tám triệu, chín trăm sáu mươi năm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002759 ngày 21/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Hà